

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Trị

Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 212/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn PL, xã BT, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn PL, xã BT, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

Bà S có mặt tại phiên tòa, ông C vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà và ông Trần Văn C do mai mối, tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục vào vào năm 1990 nhưng đến năm 2002 vợ chồng

mới đăng ký chứng nhận kết hôn tại UBND xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định vào ngày 27/12/2002.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 ông C có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác còn đánh đập bà, sau đó ông C và người phụ nữ này đi qua CAMPUCHIA sinh sống 08 năm và mới về Việt Nam cuối năm 2021, ông C không quan tâm gì đến gia đình, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung Trần Văn Q, (Giới tính: Nam), sinh ngày 16/7/1991; Trần Văn L, (Giới tính: Nam), sinh ngày 15/6/1993; Trần Mỹ L1, (Giới tính: Nữ), sinh ngày 16/7/1998; Trần Kim L2, (Giới tính: Nữ), sinh ngày 14/4/2002 hiện các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt không có lý do:

Về các thủ tục giải quyết ly hôn đã được Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc về việc bà S xin ly hôn, nhưng ông Trần Văn C vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản hoặc quan điểm gửi Tòa án, vì vậy Tòa án không biết quan điểm của ông C về những nội dung bà S yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C. Về nội dung: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S, cho bà S được ly hôn với ông Trần Văn C. Về con chung: Đối với các con Trần Văn Q, (Giới tính: Nam), sinh ngày 16/7/1991; Trần Văn L, (Giới tính: Nam) sinh ngày 15/6/1993; Trần Mỹ L1, (Giới tính: Nữ), sinh ngày 16/7/1998; Trần Kim L2, (Giới tính: Nữ), sinh ngày 14/4/2002 đã trưởng thành, bà S không yêu cầu nên không xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu nên không xét. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà S phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn C chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng đến ngày 27/12/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian, đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà S trình bày: Ông C có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác còn đánh đập bà, sau đó ông C và người phụ nữ này đi qua CAMPUCHIA sinh sống 08 năm và mới về Việt Nam cuối năm 2021, ông C không quan tâm gì đến gia đình, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn C.

Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tại biên bản xác minh ngày 05/7/2022 của Công an xã Bình Thành cung cấp: Ông Trần Văn C có hộ khẩu ở thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, số hộ 21823 - 002174, ông C là chủ hộ, hiện ông C vẫn ở địa phương chưa chuyển khẩu đi đâu. Việc ông C không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gửi đến Tòa án chứng tỏ ông C không có trách nhiệm với hôn nhân của chính mình. Tình trạng hôn nhân giữa bà S và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S, cho bà S được ly hôn ông C.

[3] Về con chung: Bà S, ông C có 04 con chung tên Trần Văn Q, (Giới tính: Nam), sinh ngày 16/7/1991; Trần Văn L, (Giới tính: Nam), sinh ngày 15/6/1993; Trần Mỹ L1, (Giới tính: Nữ), sinh ngày 16/7/1998; Trần Kim L2, (Giới tính: Nữ), sinh ngày 14/4/2002 hiện các cháu đã trưởng thành, bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai số 0007218 ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Trần Thị S.
2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S được ly hôn ông Trần Văn C.
3. Về con chung: Các cháu Trần Văn Q, (Giới tính: Nam), sinh ngày 16/7/1991; Trần Văn L, (Giới tính: Nam), sinh ngày 15/6/1993; Trần Mỹ L1, (Giới tính: Nữ), sinh ngày 16/7/1998; Trần Kim L2, (Giới tính: Nữ), sinh ngày 14/4/2002 hiện các cháu đã trưởng thành bà S không yêu cầu nên không xét.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu, nên không xét.
5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai số 0007218 ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Minh Trí